

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2024
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng D - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh và điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 300/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Si N, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm C, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Phan Vũ L – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Sơn Thị Si N trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Trần Văn M quen biết, yêu thương nhau được sự đồng ý của hai bên gia đình ông bà tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 1, ngày 19/02/2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 15/12/2001, thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng về lối sống và tính tình hai người không hợp nhau, không còn tôn trọng nhau đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, đã ly thân khoảng 02 năm nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không có nợ chung. Nay bà Sơn Thị Si N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn M; Về con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 15/12/2001 đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà Si N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Sơn Thị Si N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai và lời trình bày của ông Trần Văn M tại phiên hòa giải ngày 17/11/2023: ông và bà Sơn Thị Si N quen biết nhau được sự đồng ý của hai bên gia đình ông bà tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 1, ngày 19/02/2001. Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 15/12/2001. Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Về hôn nhân ông M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Sơn Thị Si N do vợ chồng không có mâu thuẫn, ông cần có thời gian để khắc phục và muốn hàn gắn gia đình để cùng nhau nuôi dạy con chung; Về con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 15/12/2001 đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án: Bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M kết hôn và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, tại phiên tòa hôm nay bà Si N kiên quyết ly hôn với ông M do mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà Si N là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Si N; về con chung cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 15/12/2001 đã trưởng thành

tự quyết định cuộc sống riêng bà Si N và ông M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung bà Si N và ông M thống nhất khai không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về nợ chung bà Si N và ông M thống nhất khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về án phí buộc bà Si N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Sơn Thị Si N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn M đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp là ly hôn. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 1, ngày 19/02/2001 nên bà Si N và ông M đã xác lập quan hệ hôn nhân theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Qua đơn khởi kiện, lời trình bày của bà Si N và ông M trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay cuộc sống hôn nhân giữa bà Si N và ông M luôn bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, bà Si N đã nhiều lần cho ông M cơ hội nhưng ông M vẫn không sửa đổi, không cùng bà chăm lo cho cuộc sống gia đình, bỏ mặc bà cùng con gái tự buôn bán cá ngoài chợ để mưu sinh, vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Tại phiên tòa hôm nay, Bà Si N kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn với ông M. Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà Si N và ông M có phát sinh mâu thuẫn do ông M nghi ngờ bà Si N không chung thủy. Từ mâu thuẫn trên dẫn đến bà Si N và ông M hai người không thể thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, sống chung với nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Si N và ông M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Si N yêu cầu ly hôn với ông M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc ông M không đồng ý ly hôn và muốn hàn gắn gia đình để cùng nhau nuôi dạy con chung là không có căn cứ, Tòa án đã nhiều lần mời ông đến hòa giải để hàn gắn gia đình nhưng ông vắng mặt, theo lời khai của bà Si N từ khi Tòa án thụ lý đến nay thì ông bà vẫn không ai nói tới ai, bỏ mặc nhau trong cuộc sống, bà không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 15/12/2001 đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà Si N và ông M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M thống nhất khai không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M thống nhất khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Sơn Thị Si N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Si Na .

1. Về hôn nhân: Bà Sơn Thị Si N được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về con chung: Tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 15/12/2001 đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống riêng bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M thống nhất khai không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Sơn Thị Si N và ông Trần Văn M thống nhất khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Sơn Thị Si N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Sơn Thị Si N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0018225 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Sơn Thị Si N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên không phải nộp tiếp.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích Lộc